

HAM MUỐN XÊ DỊCH VÀ CON NGƯỜI TRUY TÌM BẢN THỂ TRONG *KỂ XONG RỜI ĐI* CỦA NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

Nhận bài:

22 – 12 – 2017

Chấp nhận đăng:

20 – 03 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Trang Huyền Trinh^a, Bùi Bích Hạnh^{b*}

Tóm tắt: Một trong những cốt tủy của con người là “*tính tiềm năng*” (Heidegger). Con người là khả thể, luôn dự phóng và chấp nhận dần thân để tự làm cho mình thành người, tự do trở thành con người như mình muốn. “*Tôi lựa chọn và tôi hoàn thành*” (Sartre). Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI khẳng định con người là trung tâm, là trung tâm của những ham muốn nhân bản. Nhà văn để cho nhân vật sống tự nhiên, tẩy trần vỏ bọc màu mè, tẩy trắng hư danh và đưa con người đến với những phi lí lưu vong để con người sống trong tư cách nhân vị. Nếu việc bị ném vào hoàn cảnh là kích thích của quá khứ, còn dự phóng là kích thích của tương lai thì hiện tại là sự dần thân để lựa chọn khả thể nhằm chứng thực nhân vị. Đây là tinh thần của chủ nghĩa hiện sinh và của cả văn học hiện sinh có mặt trong *Kể xong rồi đi* của Nguyễn Bình Phương. Theo đó không chỉ mỗi nhân vật xê dịch mà cả một cõi nhân quần nhện nhện cùng xê dịch trong tác phẩm. Ham muốn xê dịch sẽ là một biểu hiện để con người truy tìm bản thể từ những mặc cảm vong thân và ruồng bỏ.

Từ khóa: Nguyễn Bình Phương; xê dịch; tiểu thuyết; mặc cảm vong thân; ruồng bỏ.

1. Đặt vấn đề

Hiện sinh, một trong “những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại” [4, tr.1], đã góp phần làm nên chiều kích con người. Với khái niệm Dasein, chủ nghĩa hiện sinh đã cho con người hiện hữu trong thời gian, giữa cuộc đời. Đó là sự tồn tại của một tư cách nhân vị với những gì riêng có nơi con người: ý thức, xúc cảm, cảnh trạng, lo âu, dự tính... Theo quan niệm của thuyết hiện sinh, con người chỉ hữu tại thể khi chứng thực được sự hiện tồn. Nếu Sartre đóng dấu tư tưởng triết thuyết cá nhân bởi tuyên ngôn “Địa ngục là người khác” [8, tr.161] để nói đến nguy cơ thường trực bị đe dọa của con người là từ sự “Tồn tại - cho mình” (etrepoursoi) tức là biết hành xử với chính mình và thế giới, sa đọa thành “Tồn tại - tự mình” (etreensoi), tức là vô tri đông cứng vô khả thể thì Heidegger từng nói về cấu trúc song đôi “bị ném vào một hoàn cảnh” và “dự phóng” (Entwurf) [8, tr.153] như là cốt lõi của đời

người, tức là sự tồn tại của con người chỉ thành tự. Khi ta nắm bắt được những khả thể riêng biệt nhất của ta, thay vì để tan chảy tiêu biến giữa cuộc đời bẽ bộn theo một cách vô tri. Cứ như thế con người chính là tương lai của con người nên luôn phải xê dịch. Lối thực hành lạc thú này trở thành ham muốn của con người. Bởi nếu không chỉ là một Dasein tồn tại - tự mình đông cứng rồi tự tiêu biến giữa cuộc đời. Nếu cho rằng “tồn tại và dần thân là hai nẻo đường của thuyết nhân bản” [8, tr.133] thì ham muốn xê dịch của con người khởi sinh từ hai nẻo đường ấy. Nguyễn Bình Phương là hiện tượng sáng tác văn chương hậu hiện đại Việt Nam mang tâm thức hiện sinh, mà ham muốn xê dịch là cốt tủy. *Kể xong rồi đi* của Nguyễn Bình Phương là một cuộc đi trong một thế giới đảo lộn, một thế giới mà con người có khát vọng “điên”, thềm đi và thỏa mãn “thực đơn” đi của người điên. Nhận ra công cuộc xê dịch của những kẻ điên, kẻ gàn lại làm cho người ta sống trần thế hơn, nhân vị hơn.

2. Ham muốn xê dịch, khẳng định sự tồn tại - trong - thể giới

^{a,b}Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

* Liên hệ tác giả

Bùi Bích Hạnh

Email: thachthao111@gmail.com

“Với chủ nghĩa hiện sinh không có một cuộc nhập cuộc nào dừng tại chỗ, cuộc sau phải hơn cuộc trước và cứ thế vô cùng vô cực” [2, tr.117]. Lê vì thế ham muốn xê dịch của con người là không thể cưỡng lại. Đan đặt trong suốt tiểu thuyết *Kể xong rồi đi* là thời gian xếp chồng đồng hiện: quá khứ - hiện tại - tương lai. Trong kích thước thời gian chồng lấn ấy, nhân vật đi về giữa hai cõi sống - chết không ranh giới. Bằng dòng ý thức của *Phong* thông qua cuộc trò chuyện với chú chó *Phốc*, cả một hành trình “kể xong rồi đi” dần lộ diện. Đó là một hành trình xê dịch không mệt mỏi trong chiều kích của thời gian và chiều kích không gian sống - chết để làm nên vóc dáng con người giữa không gian người. Hôm nay sống là phải kể. Kể gì? Kể cái ta đã là, cái ta đang là và đi đến với cái ta sẽ là, hướng tới cái ta không là... Hành trình kể ấy chứng thực bản năng rất người với dự phóng, dẫn thân mà bất chấp lo âu, cái chết. Như một *điều thuốc* cháy rồi tàn, như một *đốm nắng* nhảy nhót rồi tắt, như một *quả hồng* chín ung roi rụng, như một *chiếc lá* xanh non rồi vàng úa... nhưng đã xuất hiện giữa cuộc đời thì phải kể “*Kệ thôi...*” [7, tr. 88]. Bản thân tựa đề *Kể xong rồi đi* đã mang tính luận đề, hàm chứa một cuộc xê dịch mãi miết của những dự phóng hiện sinh: *Kể* (quá khứ) - *xong* (hiện tại) - *rồi đi* (tương lai). Nếu cho rằng “Con người hiện sinh luôn không ngừng vát về phía trước bản thân anh ta” [2, tr.119] thì ẩn sau nhan đề *Kể xong rồi đi* là tham muốn dự phóng để được khẳng định sự tồn tại trong thế giới: ta là ta.

Jaspers khẳng định: “Suốt đời tôi, tôi ở vào một cảnh ngộ thế này hay thế nọ, tôi không thể sống mà không tranh đấu không đau khổ, tôi không tránh khỏi mang lấy tội lỗi, tôi phải chết đều là những tình trạng cơ bản” [1, tr.45] mà con người phải đối mặt; vậy nên “Thế giới và Dasein như là sự tồn tại - trong - thế giới” [5, tr. 33]. Thông qua sự tồn tại - trong - thế giới con người có khả năng lí giải ý nghĩa của mình giữa cuộc cờ người, đó cũng là nhu cầu thấu hiểu và thông cảm thế giới. Vậy nên mỗi nhân vật trong tác phẩm đều được đặt vào một cảnh ngộ riêng. Cả mấy mươi nhân vật là mấy mươi cảnh ngộ và buộc họ phải xê dịch theo cách riêng mình để chứng thực sự tồn tại giữa cuộc đời. Ấn tượng nhất trong công cuộc xê dịch này có lẽ là lớp người thuộc về quá khứ, là thế hệ cha ông đã xê dịch trong suốt cả đời người: *Đại tá, ông Trinh tên lửa, ông Văn, ông Cáo, bà Lan, bà Ngãi, ông Vạn...* Nói họ thuộc về quá khứ bởi

hiện tại họ đang kể rất yếu ớt hoặc đã ngừng kể để đi. Họ gần như đã hoàn tất hành trình xê dịch để đi đến nơi con người phải đến. Từ quá khứ huy hoàng: “*Khi đại tá lại khoát tay sang phía gờ đất chỉ cho hai người phụ nữ chỗ đóng quân trước kia của đơn vị mình, tỏ thấy chiếc cúc ở cổ tay áo của bác ấy bắt nắng cũng vụt sáng rỡ*” [7, tr.74]; “*Đơn vị ông Trinh nghe đầu chiến đấu cũng ra trò, lập nhiều thành tích*” [7, tr.8-9]; “*Ông Văn là bạn chiến đấu của Đại tá, nghe nói trước khi về làm ở thành phố, ông ấy từng mang quân hàm thiếu tá cơ đấy*” [7, tr.52]; ... Trong tiểu thuyết, lớp người quá khứ đã bắt đầu với những cảnh ngộ huy hoàng như thế và trong những cảnh ngộ ấy, mỗi người xê dịch theo một cách ứng với mỗi phận người và mỗi cách nhìn đời: “*Khi phục viên, Đại tá của bọn mình đeo hàm đại úy, nhưng vì tuổi đã cao, đáng lại quắc thước nên mọi người cứ gọi bác ấy là đại tá cho tương ứng với tầm vóc cơ thể bác ấy*” [7, tr.209]; “*Ông Trinh... nhưng chẳng hiểu giờ xui đất khiến thế nào, năm bảy mốt lại bắn nhằm phải một chiếc MiG của ta khiến phi công thiệt mạng. Thế là bao nhiêu tự hào, bao nhiêu oai hùng bay biển cả, chỉ còn lại cái mặc cảm âm thầm dù chẳng ai khiến trách*” [7, tr.8-9]; “*Ông Văn là tôi cao, không ai được cãi lời ông ta, tuyệt không*” [7, tr.53]; ... Và mỗi người chọn mỗi cách để dừng lại: Đại tá, cả cuộc đời kể trong huy hoàng, bước xê dịch nào cũng khẳng định mình đã dừng lại trong nghịch cảnh “*điên à. Cả đời biệt biệt vác súng đi đánh nhau, chả giúp được gì cho gia đình này, giờ đến lúc phải cống hiến một tí chứ. Hỏa tang thì lấy ai phù hộ cho bọn trẻ con?*” [7, tr.104]; Ông *Trinh*, con người bị ám ảnh tội lỗi trở thành kẻ dễ bị bắt nạt, giờ hiện hữu “*Tớ bỏ đi nhưng vẫn kịp nhìn thấy trong nhà bức ảnh của ông Trinh tên lửa thấp thoáng trên bàn thờ*” [7, tr.10]; Ông *Văn*, người đàn ông quyền lực, đã kể được gì khi “*...nhất là sau khi ông Văn chết, mấy chị em bán ngôi nhà gỗ ấy lấy tiền chia nhau...*” [7, tr.163-164]. Đời người đúc kết trong một câu “*Đã sống thì phải chết*” [6, tr.186] nên con người ham muốn xê dịch để được đi dù chưa hẳn biết đi đâu. Từ sống đến chết nghe chừng cũng không dễ bởi “*Không về thì chắc gì đã đi được*” [7, tr.13]. Vậy nên buộc phải xê dịch, xê dịch trở thành ham muốn bởi rõ ràng bằng hành trình “di trú” ấy, mỗi người đã tự ghi tên mình giữa cuộc đời không lẫn vào đâu được. Hẳn trước khi kết thúc hành trình kể, tất cả nhân vật đều tri nhận lí do hiện hữu của chính mình một cách có lí lẽ và

có tính đối thoại. Và ít nhất trong đời mình đã có lúc ta được là một tồn tại - cho mình. Có thể xem *Kể xong rồi đi* của Nguyễn Bình Phương là một lối thực hành tiểu thuyết “đa trị” hiểu theo cách dẫn giải của R. Barthes về một văn bản nghệ thuật đa trị, ở đó tác phẩm này “không phải là cái đang tồn tại đồng thời từ những gì được hiểu, mà là sự chuyển dời, xuyên qua; nó trả lời không phải cho một diễn giải hay chỉ cho một tự do diễn giải mà là cho một sự bùng nổ, cho một sự phát tán” [6, tr.178].

3. Ham muốn xê dịch - chứng thực phận người và kiến tạo vũ trụ nhân tính

“Triết học hiện sinh là triết học dạy ta suy nghĩ về thân phận làm người” [3, tr.36]. *Kể xong rồi đi* ngôn ngôn trong dòng ý thức mà ở đó họa ra một cõi nhân tình thế thái cuốn lấy những thân phận người. “Thế gian mà tôi sống phũ phàng với tôi, nhưng tôi cảm thấy mối quan hệ giữa người cùng khổ đau như nhau” [4, tr.30]. Và trên hành trình có thể là cuộc “di dân” của những ẩn ức lưu vong của mình, con người chứng thực được thân phận rất người ấy. Thế giới người trong *Kể xong rồi đi* mỗi người mang một nỗi đau riêng và nỗi đau ấy hằn lên qua ham muốn bùng phá của cá thể. Như thể không đi là sẽ tự sát, vong bản. Phong đã từng sống trong một gia đình đủ đầy bố, mẹ, em gái và trước nhà còn có một cây hồng chiu chít quả. Bước “ra đi” đầu tiên khi gia đình chạm tay vào vàng rồi lại bị vụt mất cùng với sự ra đi không bao giờ quay lại của bố Phong đau đớn nhận ra “...vàng nó có nanh có vuốt đấy, đừng dại mà săn đến gần nó” [7, tr.68]. Rồi lại tiếp tục dần thân vô điều kiện, như con mê sảng, khi đi theo lời hứa được ăn hồng thỏa thuê của một ông già để phải mang một nỗi ám ức “Mẹ, sao mà tớ ghét cái bọn luôn thọc tay vào đũng quần người khác thế cơ chứ” [7, tr.108]. Khi tìm được đường về đúng vào đêm ngôi nhà thành đống tro không lò cả mẹ và em gái rụng rời như những quả hồng trước hiên nhà. Phong thành “thằng hâm hấp, thằng cháu bỏ cõi bỏ cú mắt lác của Đại tá” [7, tr.120 - 121]. Gắn bó với gia đình Đại tá để cuối cùng nhận lấy lời dạy nghiêm “Đứa nào không liên quan thì biến” [7, tr.216] vậy mà vẫn tự nhủ “*Kể nốt cho xong đi*” [7, tr.213]... *Linh* là nhân vật hiện hữu nhiều nhất trong dòng ý thức của Phong. Rõ ràng trong dòng xê dịch bất tận của *Linh* đã phác họa một phận đời bầm nát dấu tích của khổ đau. “*Dạo bé, Linh thường phải công Hoành... Linh thường than vãn với tớ là Hoành càng ngày càng nặng, cứ như*

nhân đôi lên” [7, tr.54 - 55] và gánh nặng ấy đặt lên đời một cô gái đẹp như một dự báo cho chuỗi ngày sống là đi lảm truân chuyên. Lấy chồng, gia đình chồng giàu có bao nhiêu thì nhân vật buồn nôn chồng bấy nhiêu “*Mỗi lần vợ chồng gần gũi nhau, chẳng hiểu sao Linh đều nghe thấy tiếng gầm gừ trong bóng tối của ông Văn vọng tới*” [7, tr.53]. Rồi *Linh* bỏ chồng dịch thêm một bước khi làm nhân tình của *Bình Vầu* để nhận lấy sự chì chiết “*Con Linh đâu?...*” từ vợ *Bình Vầu*. “*Sau cú âm ỉ tanh bành đó... Linh cũng câm nín, âm thầm hơn, hàng tháng trời không bước chân ra khỏi cổng*” [7, tr.27]. Nhân vật vẫn chưa dừng lại dù đã đau nhiều, thấm nhiều. Vẫn khát thêm đi, thêm lao đi và thêm bị cuốn vào lốc xoáy của mệnh đời tung hứng, văng hất của nhân sinh. Bởi chỉ cần dừng lại, *Linh* không còn là *Linh* nữa. *Linh* mở quán Karaoke dưới hàng muỗm được xê dịch về từ cõi chết, nghĩa địa Tuyết Sơn, quán Karaoke thành cảnh trạng cho số phận của *Linh* mà *Phong* chưa một lần dám bước vào. Vậy hiện hữu như *Linh* là sống hay chết, đi như *Linh* là đi về đâu?... Chi biết với cuộc đi ấy lắm lúc *Linh* khóc mà không thể dừng. Phận người thực “từ nguyên thủy người vốn là vật bị bỏ rơi” [10, tr.349], bởi chính mỗi người cũng đã tự bỏ rơi nhân tính giữa cuộc đời “*xú uế*” lảm cảm dỗ mà xê dịch mãi miết. Cứ theo bám cái ta không là thì bao giờ ta sẽ là ta? Cứ như thế những phận người trong *Kể xong rồi đi* mãi miết xê dịch để nhận ra rằng “*Người đi trên băng tuyết hay là sa mạc giữa rừng người*” [10, tr.268] vậy nên *Khuất* sẽ mãi chạy theo chức tước, *Hoành* sẽ mãi chạy theo đồng tiền, *Thánh* sẽ mãi chạy theo đất đai, *Phong* sẽ mãi chạy theo tình yêu, *Linh* sẽ mãi chạy theo ham muốn... những dự phóng sẽ khiến con người dần thân chuyển vị không một môi mà sẵn sàng bỏ rơi nhau, sẵn sàng chôn mình trong những hố thăm cô đơn, sẵn sàng lo âu, sẵn sàng đau khổ... bởi thân phận con người là phải thế “*Người ơi là người, đã chạy tịnh thì xuống trần gian này làm gì cho khổ*” [7, tr.219].

Những trang viết *Kể xong rồi đi* đã dùng lối văn trần thuật “mờ”, trong đó phần thuật là cốt yếu để “trần”, để phơi bày bản ngã của con người đúng là người trong một quần thể pha tạp nhân tính đến ngột ngạt. Bởi thế giới nhộn ấy thật đến không dám bước vào, thật đến ám ảnh. Để đồ họa chân thực cuộc đời, làm nổi bật sự buồn nôn của con người tầm thường, hồng thức tỉnh con người trở dậy bỏ cách sống sự vật để khai nở cho một cách sống nhân vị, nhân vị bản thể

luận của con người tự do - tự do lựa chọn và thực hành xê dịch. Có thể xem đây là phi lí trong việc sắm vai mặt nạ và bóng âm trong bản thể người của thế giới nhân vật Nguyễn Bình Phương. Nhân vật trong tác phẩm giằng níu trong cuộc cờ vây mà mỗi một hình nhân là một phi lí. Họ vừa đeo mặt nạ, vừa phải bị nhòm bởi bóng âm luôn lên tiếng buộc họ kéo căng mặt người trong mặt nạ. Nghĩa là một cuộc đấu tranh đầy phi lí trong một diện mạo người. Thèm chết là mặt nạ mà ám ảnh cái chết là bóng âm. Lạc loài giữa rừng người là bóng âm mà vẫn mê toi cái sự đi là mặt nạ đầy nhân tính. Con người ở thế giới nhào trộn trong *Kể xong rồi đi* như đang phân thân giữa mặt nạ và bóng âm: “*đối với một bản ngã đã đồng nhất với cái mặt nạ và những giá trị và phẩm chất của nó, bóng âm có vẻ như sa đọa và xấu xa*” [9, tr.168].

Với Sartre, “không có vũ trụ nào ngoài vũ trụ con người, vũ trụ của chính chủ quan con người” [4, tr.35]; vì vậy con người luôn xê dịch để được là vũ trụ của cái duy lí nơi con người ôm tóa vạn vật. Những dự tính của con người luôn phải đặt trong mối quan hệ biện chứng với thời đại, lịch sử xã hội. Theo đó *Kể xong rồi đi* rời nhằng những chỉ báo dự liệu, trong đó mỗi nhân vị loay hoay vô tận với những dự phóng có họa đồ có khi được cam kết bằng cả một đời người, một cuộc đánh đổi nặng âu lo hiện sinh. Ở đó, thế giới của thăng gàn, kẻ điên lại trở thành niềm mơ của con người về một cuộc đi đẹp đến rõ ràng. Đi về phía hạnh phúc, đi về cõi sống hay chết đều là những cuộc “*đi dân*” hạnh phúc.

Chưa bàn tới họ chấp nhận đổi mặt với những gì nhưng rõ ràng họ đã tạo nên những tiểu vũ trụ mang dấu ấn cá nhân đậm nét giữa cuộc đời mà vốn dĩ “*Anh em mình sống trong thời xú ố, lét được đến đây là phúc bảy mươi đời rồi, thành con đéo gì mà chả được*” [7, tr.191]. Giữa thời thế mà “*cứ lẫn vào đám đông là yên ổn nhất*” [7, tr.187] thì ham muốn xê dịch để kiến tạo vũ trụ con người là tốt bậc? Vậy nên cả mấy mươi nhân vật trong *Kể xong rồi đi* đều đã xê dịch để tạo nên dấu ấn riêng. Ông Trần từ một người “*mặt mày xẹp lép, ngơ ngác*” [7, tr.9] được đại tá diu dắt thành phó chủ tịch chiến binh phường vốn rất cứng nhắc và nhiều chuyện nên đã có được dáng đi “*cun cút*” và điệu ngồi “*cóm róm*”. Hòa trong chiến tranh là lính của Đại tá, thời bình Hòa nối nghiệp thầy thuốc của cha và liệu “*Có đúng là lính phải cứu thủ trường*

không” [7, tr.17] khi mà vừa làm nghề thầy thuốc vừa cò đất nghĩa trang. Người như Hòa thì “*Từ thuở cha sinh mẹ đẻ tới giờ tao mới thấy có nó là một*” [7, tr.122]. Khuất là người luôn ở trong tâm thế “*sắp bước vào cuộc chiến đấu giành vị trí cao hơn*” [7, tr.145] nên luôn trong “*quần màu xanh thẫm ly sắc lẹm, áo trắng xơ vin và cái cà vạt màu đỏ hồ hững buông xuống từ cổ áo cứng đanh*” [7, tr.216]. Người như Khuất rõ ràng ai cũng phải kiêng nể. Hoành là kẻ “*Được trời phú cho cái khả năng gửi mùi để kinh doanh*” [7, tr.58] nhưng lại là kẻ “*sáu sía*” [7, tr.108] nên đã có được điệu cười “*Khùng khục*”, “*động tác vể ghét*” và thú đời xê dịch, xê dịch đến lang bạt, mê chơi vì tiền đã tạo nên một Hoành không lẫn vào đâu với một hình nhân ám mùi phúc họa khôn lường. “*Hoành quần cộc, áo phông, tóc bù xù, túi quần bên đùi trái phồng căng vì ví tiền và điện thoại, mặt cậu ấy lăm lăm như cục máu đọng*” [7, tr.216]... Mỗi nhân vật một dấu ấn riêng nhưng đều là những kiểu dạng người mang cùng một triết lí nhân tính: gương mặt thần chết. Chết có lược đồ. Nguyễn Bình Phương khép lại hành trình làm người của nhân gian bằng một quan niệm về con người hiện sinh. Chết vì khổ đau, vì cô đơn, vì lạnh lùng vô cảm, vì toan tính vụ lợi, vì dục vọng tầm thường... Tận cùng của vũ trụ người là hố thẳm cô đơn. Lúc này, “*tiểu vũ trụ*” hay “*đại vũ trụ*” đều hành sự đồng thời, để được trở về với cõi tự do đến buông thõng, rỗng toang mà làm cõi người ta trở nên phi lí trong cái mệnh đề chông chéo những cái nghịch dị: “*vừa uể oải, vừa như rất hài lòng, lại vừa như cho xong đi*” [7, tr.220].

4. Kết luận

Kể xong rồi đi là con đường được Nguyễn Bình Phương khởi tạo đầy táo bạo khi dẫn lối con người lí giải công cuộc hiện sinh bằng ham muốn xê dịch - như một thi trình mặc cảm và thèm muốn “*đi dân*”. Đó là một hành trình “*trần trụi*” trong một nguyên tắc nghệ thuật “*phi trật tự*”. Thời đại số hóa, con người bị bỏ rơi trong vũng phẳng lì của nhân tính; khiến con người khủng hoảng niềm tin, bất khả tín trước đời sống bất toàn. Với ham muốn/ thú xê dịch ấy, con người dẫn thân vào hành trình khai phóng - truy tìm bản thể.

Nguyễn Bình Phương trong *Kể xong rồi đi* nhìn đời người như một dòng chảy không ngừng mê đi của con người, khi con người xê dịch là khi con người “*chiến*

đầu” để được là người với bộ mặt nhân vị xác tín. *Kể xong rồi đi* của Nguyễn Bình Phương là một quan niệm “không thể đánh tráo” về chủ đích coi bỏ ràng buộc, phụng sự tự do. Và vượt lên trên “cáo chung” của những nguyên tắc “làm người”, thế giới nhân vật trong tiểu thuyết này không có giới hạn, lẫn ranh giữa sự lựa chọn làm người theo cách thể dự phóng và làm người tự nhiên. Mọi ranh giới đều bị xóa nhòa, thanh tẩy để con người trong sáng tác của nhà văn hướng về và quay về cõi tự do tối thượng của đời sống tinh thần và thân xác được giải phóng hoàn toàn. Quan niệm nghệ thuật này song trùng với những nỗ lực của các nhà văn đầu thế kỉ XXI trong bối cảnh con người “bất khả tín”, trong khi đó con người lại không ngừng tô đắp cho một lối viết văn vị nhân.

Tài liệu tham khảo

- [1] R. Campbell. *Tìm hiểu chủ nghĩa hiện sinh* (Nguyễn Văn Tạo dịch). NXB Tao Đàn, Sài Gòn.
- [2] Nguyễn Tiến Dũng (2006). *Chủ nghĩa hiện sinh: lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Trần Thái Đình (1968). *Triết học hiện sinh*. Thời Mới xuất bản, Sài Gòn.
- [4] Andre Niel (1969). *Những tiếng kêu lớn của chủ nghĩa nhân bản hiện đại (Mạnh Tường dịch)*. NXB Ca dao.
- [5] Lê Tôn Nghiêm (2006). *Đâu là căn nguyên của tư tưởng hay con đường triết lý từ Kant đến Heidegger*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [6] Liviu Petrescu (2013). Lê Nguyên Cẩn dịch, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Bình Phương (2017). *Kể xong rồi đi*. NXB Hội Nhà Văn.
- [8] Jean - Paul Sartre (2015). *Thuyết hiện sinh một thuyết nhân bản* (Đình Hồng Phúc dịch). NXB Tri thức, Hà Nội.
- [9] Murray Stein (2011). *Bản đồ tâm hồn con người của Jung*. NXB Tri thức, Hà Nội.
- [10] Lê Thành Trị (1974). *Hiện tượng luận về hiện sinh*. Trung tâm học liệu Nhà Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn.

THE DESIRE TO MOVE AND LOOK FOR TRUE SELF IN “KE XONG ROI DI” BY NGUYEN BINH PHUONG

Abstract: One of the essence of humanity is "potential" (Heideger). Man is capable, always projecting and accepting to commit himself to being human, free to become human as he wants. "I choose and I accomplish" (Sartre). Vietnamese novels in the early 21st century which assert that man is the center, the center of human desires. The writer lets the character live in a natural way, purifying the unctuous shell, eradicate vainglory and brings the man to the self in exile irrationalness in order to live as human nature. If being thrown into circumstances is the size of the past, and the projection is the size of the future then the present is the commitment to choose the possibility to authenticate the personality. This is the spirit of existentialism and of existentialist literature that present in the story of “Ke xong roi di” (Meaning: let's finish telling before leaving) of Nguyen Binh Phuong. Hereby, not only the characters but also the disordered human realm are on the move that display in this novel. The desire to move will be a manifestation that people find themselves from the inferiority complex of dead and abandonment.

Key words: Nguyen Binh Phuong; display; novel; complex of being killed; abandonment.